



LÊ THÔNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN ĐỨC VŨ (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀNG SƠN – NGUYỄN VIỆT HÙNG

Địa lí

11

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu

LÊ THÔNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN ĐỨC VŨ (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀNG SƠN – NGUYỄN VIỆT HÙNG

ĐỊA LÍ 11

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo khoa *Địa lí 11* bộ sách *Cánh Diều* là hiện thực hoá của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí 11 ban hành năm 2018. Cuốn sách giáo khoa được thiết kế theo hướng tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh. Vì vậy, đó là tài liệu quan trọng để học sinh lớp 11 sử dụng trong học tập; cũng là tài liệu giúp các thầy, cô giáo tổ chức hoạt động dạy học.

Với mục đích gợi mở, tư vấn thiết kế các hoạt động trong tổ chức dạy học bám sát nội dung của từng bài học cụ thể trong sách giáo khoa *Địa lí 11* bộ sách *Cánh Diều*, nhóm tác giả đã biên soạn cuốn *Sách giáo viên Địa lí 11*.

Cuốn sách có hai phần chính:

– **Phần A. Những vấn đề chung.** Phần này bao gồm: mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Địa lí 11; thời lượng, cấu trúc, nội dung và một số điểm mới của sách giáo khoa *Địa lí 11* bộ sách *Cánh Diều*; định hướng chung về phương pháp giáo dục và kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục Địa lí 11.

– **Phần B. Hướng dẫn dạy các bài cụ thể.** Phần này là gợi ý cụ thể cho 31 bài của sách giáo khoa và 3 chuyên đề học tập. Mỗi bài học được thiết kế (mang tính gợi ý) theo quy trình sau: *Mục tiêu* (giáo viên giúp cho học sinh hướng tới những yêu cầu cần đạt được về năng lực, phẩm chất); *Thiết bị dạy học và học liệu* (máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, video clip, lược đồ, tranh ảnh, tư liệu,... liên quan đến bài học); *Những điểm cần lưu ý* (về kiến thức, về phương pháp và kĩ thuật dạy học); *Tiến trình dạy học* (mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng); *Tư liệu hỗ trợ dạy học*.

Để sử dụng cuốn sách có hiệu quả, nhóm tác giả đưa ra một số lưu ý sau:

Thứ nhất, việc hướng dẫn thiết kế chuỗi hoạt động dạy học theo các dạng bài có sự thống nhất trong đa dạng, nghĩa là thống nhất về quy trình, nhưng thiết kế cụ thể theo các phương án khác nhau nhằm giúp giáo viên có nhiều cơ hội lựa chọn hơn.

Thứ hai, việc thiết kế các bài học theo từng dạng bài tuy rất cụ thể nhưng chỉ có tính gợi mở, không áp đặt, chủ yếu gợi ý cho giáo viên cách dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên tham khảo những gợi ý thiết kế đó và vận dụng linh hoạt trong điều kiện của mình hay từng địa phương. Trong thực tế, giáo viên đã có rất nhiều sự sáng tạo phù hợp với từng điều kiện, từng hoàn cảnh mang lại hiệu quả cao.

Cuối sách còn có **Bài soạn tham khảo**. Đây là ví dụ minh họa cho đề xuất thiết kế chuỗi hoạt động dạy học nêu trên để các thầy giáo, cô giáo tham khảo.

Tập thể tác giả xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo đã đón nhận và sử dụng cuốn sách *Địa lí 11* của bộ sách *Cánh Diều*. Hi vọng cuốn sách giáo khoa *Địa lí 11* và *Sách giáo viên Địa lí 11* sẽ là tài liệu hữu ích, gắn bó với các thầy, cô giáo trong sự nghiệp giáo dục.

CÁC TÁC GIẢ

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN ĐỊA LÍ 11

1. Mục tiêu

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí 11 giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển năng lực địa lí – một biểu hiện của năng lực khoa học. Môn Địa lí cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9), đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; lòng nhân ái; thể giới quan khoa học; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp. Từ đó, hình thành nhân cách công dân, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu này đạt được thông qua hệ thống kiến thức cơ bản địa lí kinh tế – xã hội thế giới và phương pháp giáo dục đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của HS.

2. Yêu cầu cần đạt

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Địa lí 11 góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

b) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đặc thù

– Môn Địa lí 11 hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất: tình yêu quê hương, đất nước; lòng nhân ái; thể giới quan khoa học; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp.

– Môn Địa lí 11 hình thành, phát triển ở HS các năng lực nhận thức khoa học địa lí; tìm hiểu địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học với các thành phần như:

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí học, tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ môn học.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, thực hiện chủ đề khám phá từ thực tiễn, vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

II. THỜI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ CÁC ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11 BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

1. Thời lượng

Toàn bộ thời lượng của môn Địa lí 11 là 105 tiết, trong đó có 70 tiết kiến thức cốt lõi và 35 tiết chuyên đề học tập.

Mặc dù trong Chương trình môn học chỉ gợi ý tỉ lệ phần trăm cho các mạch nội dung, nhưng để thuận lợi cho giáo viên (GV) và nhà trường trong việc triển khai việc dạy học, nhóm tác giả đề xuất kế hoạch dạy học như sau:

Phần *Kiến thức cốt lõi Địa lí 11* gồm 63 tiết học kiến thức mới và thực hành thể hiện trong sách giáo khoa (SGK); 7 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì. Cụ thể:

Loại bài học	Học kì I (số tiết)	Học kì II (số tiết)
Bài kiến thức mới và thực hành	31	32
Bài ôn tập; kiểm tra, đánh giá	3	4
Tổng cộng	34	36

Phần *Chuyên đề học tập Địa lí 11* có 35 tiết, gồm:

Chuyên đề	Số tiết
Chuyên đề 1. Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á	15
Chuyên đề 2. Một số vấn đề về du lịch thế giới	10
Chuyên đề 3. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	10

2. Cấu trúc

a) Cấu trúc SGK Địa lí 11 bộ sách Cánh Diều

SGK Địa lí 11 được cấu trúc thành hai phần với 31 bài. Ngoài nội dung các bài, ở đầu sách có *Hướng dẫn sử dụng sách, Lời nói đầu*; ở cuối sách có *Bảng Giải thích thuật ngữ, Bảng Tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài* và *Mục lục*.

b) Cấu trúc bài học SGK Địa lí 11 bộ sách Cánh Diều

Mỗi bài học trong SGK Địa lí 11, ngoài số thứ tự và tên bài đều có các phần sau:

– Yêu cầu cần đạt: Thể hiện theo đúng Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 đã quy định.

– Phần Mở đầu: Phần này nhằm xác định nhiệm vụ học tập, tạo tình huống có vấn đề và tạo hứng thú cho HS.

– Phần Kiến thức mới: Phần này trình bày những nội dung cốt lõi của bài học thông qua kênh chữ, kênh hình (bản đồ, lược đồ, tranh ảnh,...) và bảng số liệu, bảng kiến thức, sơ đồ,... Ở một số bài, trong phần này còn có ô *Em có biết?* để mở rộng hiểu biết về một hiện tượng, đối tượng địa lí được nói đến trong bài hoặc liên hệ thực tế, hướng đến phát triển năng lực tự học.

– Phần Luyện tập và vận dụng: Bao gồm những câu hỏi, bài tập nhằm hệ thống hoá lại nội dung, củng cố kiến thức của bài học, rèn luyện kỹ năng và những nhiệm vụ yêu cầu HS vận dụng kiến thức vào học tập, cuộc sống; hoặc liên hệ, cập nhật kiến thức thực tế.

3. Nội dung

SGK Địa lí 11 đề cập đến một số vấn đề địa lí kinh tế – xã hội thế giới và đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội của nhiều khu vực, quốc gia. Các phần, bài trong SGK Địa lí 11 và số tiết dự kiến được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng dự kiến số tiết của các bài học trong SGK Địa lí 11

Phần/ bài	Số tiết
PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI	8
Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước	2
Bài 2. Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế	2

Phần/ bài	Số tiết
Bài 3. Một số tổ chức khu vực và quốc tế	1
Bài 4. Thực hành: Tìm hiểu về toàn cầu hoá, khu vực hoá	1
Bài 5. Một số vấn đề về an ninh toàn cầu	1
Bài 6. Thực hành: Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức	1
PHẦN 2. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA	55
KHU VỰC MỸ LA-TINH	5
Bài 7. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ La-tinh	4
Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế – xã hội ở Cộng hoà Liên bang Bra-xin	1
LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)	4
Bài 9. EU – Một liên kết khu vực lớn. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới	3
Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức	1
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á	7
Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Đông Nam Á	4
Bài 12. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	2
Bài 13. Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động du lịch và kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á	1

Phần/ bài	Số tiết
KHU VỰC TÂY NAM Á	4
Bài 14. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á	3
Bài 15. Thực hành: Viết báo cáo về vấn đề dầu mỏ ở khu vực Tây Nam Á	1
HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ	7
Bài 16. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Hoa Kỳ	2
Bài 17. Kinh tế Hoa Kỳ	4
Bài 18. Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của Hoa Kỳ	1
LIÊN BANG NGA	6
Bài 19. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Liên bang Nga	2
Bài 20. Kinh tế Liên bang Nga	3
Bài 21. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga	1
NHẬT BẢN	7
Bài 22. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản	2
Bài 23. Kinh tế Nhật Bản	4
Bài 24. Thực hành: Viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản	1
CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)	7
Bài 25. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc	2
Bài 26. Kinh tế Trung Quốc	4

Phần/ bài	Số tiết
Bài 27. Thực hành: Viết báo cáo về sự thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc	1
Ô-XTRÂY-LI-A	3
Bài 28. Thực hành: Đọc bản đồ; phân tích số liệu, tư liệu và viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a	3
CỘNG HOÀ NAM PHI	5
Bài 29. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội Cộng hoà Nam Phi	2
Bài 30. Kinh tế Cộng hoà Nam Phi	2
Bài 31. Thực hành: Tìm hiểu về công nghiệp khai thác khoáng sản của Cộng hoà Nam Phi	1

Lưu ý: Số tiết của mỗi bài học có tính chất dự kiến, GV có thể thay đổi linh hoạt tùy thuộc vào kế hoạch của nhà trường và đối tượng HS.

4. Một số điểm mới của sách giáo khoa Địa lí 11 bộ sách Cánh Diều

a) Tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực

– Về kiến thức: Chú trọng các kiến thức có tính thực tiễn, thiết thực, hiện đại và hệ thống nhằm làm cơ sở để phát triển năng lực nhận thức khoa học và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Ví dụ: các kiến thức về chiến lược/ giải pháp/ biện pháp phát triển kinh tế ở các quốc gia, khu vực; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, công nghệ hoá,...; sự thay đổi phân bố sản xuất theo lãnh thổ; đề cập đến các ngành viễn thông, tài chính, ngân hàng, du lịch, nội thương,...

– Về phương pháp: Tăng cường kênh hình (bản đồ, lược đồ, tranh ảnh), sơ đồ, bảng số liệu, bảng kiến thức; xây dựng nhiều tình huống có vấn đề/ nhiệm vụ học tập để làm cơ sở cho HS hoạt động học tập theo hướng tích cực, chủ động, sáng tạo, góp phần phát triển năng lực tìm hiểu địa lí và các năng lực chung: tự chủ, tự học, giao tiếp và hợp tác,...

b) Đảm bảo tính kế thừa và hiện đại

SGK Địa lí 11 kế thừa những ưu điểm của SGK Địa lí hiện hành theo Chương trình năm 2000 và các SGK trước đó, đặc biệt là hệ thống bài học và kiến thức cơ bản, tránh các đứt gãy về mạch kiến thức, gây khó khăn cho việc dạy học của GV. SGK Địa lí 11 chú trọng tiếp thu kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến cùng với thực tiễn giáo dục Việt Nam, điều kiện và khả năng học tập của HS ở các vùng, miền khác nhau.

Tính hiện đại của SGK Địa lí 11 thể hiện ở việc chú trọng cập nhật các kiến thức khoa học, phản ánh đúng bản chất sự vật, hiện tượng và quy luật phát triển khách quan. Các vấn đề được đưa vào sách như: an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá, các công nghệ hiện đại, nền kinh tế tri thức,... luôn gắn bó thường xuyên và tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế – xã hội và toàn thể nhân loại nói chung.

Tính hiện đại còn thể hiện ở hệ thống số liệu được chọn lựa để phản ánh đúng xu hướng thay đổi của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên nền kinh tế thế giới năm 2020 sụt giảm, hầu hết các nước đều có tăng trưởng âm, ngành du lịch suy giảm nghiêm trọng. Để đảm bảo tính hệ thống, số liệu du lịch trong SGK chỉ lấy đến năm 2019, tiếp sau có thể là năm 2021; số liệu tăng trưởng kinh tế các nhóm nước lấy ở mốc năm 2019 và năm 2021,...

c) Tạo cơ sở cho giáo viên và học sinh đổi mới dạy, học

Thông qua hệ thống kiến thức và phương pháp theo định hướng phát triển năng lực, SGK Địa lí 11 tạo điều kiện và cơ hội cho GV tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ HS hoạt động học tập (nhận thức, khám phá, luyện tập, vận dụng,...); tạo thuận lợi cho HS hoạt động tích cực theo các hình thức cá nhân, nhóm cặp (2 HS), nhóm nhỏ (4 – 6 – 8 HS) với các công cụ địa lí học.

Tính vận dụng, thực hành trong SGK Địa lí 11 được chú trọng ở tất cả các bài. Nhiệm vụ luyện tập ở mỗi bài học yêu cầu HS phải căn cứ vào kiến thức đã học để lập bảng, hoàn thành bảng, lập sơ đồ, vẽ biểu đồ, phân tích bảng số liệu, đọc bản đồ, tóm tắt thông tin,... Nhiệm vụ vận dụng yêu cầu HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn, cập nhật và liên hệ thực tế; khai thác internet và các tài liệu, tư liệu để thu thập, hệ thống hoá và trình bày thông tin. Trong nhiều trường hợp, HS được yêu cầu viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một đối tượng địa lí.

SGK Địa lí 11 có 12 bài thực hành, chiếm 38,7 % tổng số bài, với loại hình đa dạng: thu thập thông tin và trình bày, trao đổi, thảo luận; vẽ biểu đồ và nhận xét, giải thích; từ bảng số liệu và thông tin thu thập được, viết đoạn văn ngắn giới thiệu,... Đặc biệt là có nhiều bài về viết báo cáo, đó là một trong các loại hình có tính đặc thù cho địa lí kinh tế – xã hội thế giới.

d) Chú trọng tích hợp

Nội dung trong SGK Địa lí 11 đề cập đến việc đánh giá tác động của yếu tố/ thành phần này đến yếu tố/ thành phần khác. Ví dụ: Đánh giá tác động của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội; đánh giá tác động của dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế – xã hội,... Các mối quan hệ trong địa lí kinh tế – xã hội thế giới còn diễn ra ở mỗi thành phần tự nhiên, dân cư, xã hội, các ngành kinh tế,... Ví dụ: Thương mại điện tử phát triển tác động mạnh mẽ đến nội thương, công nghiệp năng lượng phát triển làm cơ sở cho các ngành kinh tế phát triển, ngoại thương trở thành động lực cho nhiều ngành kinh tế,... Hầu như ở mỗi chủ đề, mỗi bài học đều thể hiện nổi bật tính tích hợp trong nội dung địa lí.

Ngoài ra, để giải thích quá trình phát triển kinh tế của một quốc gia/ khu vực, cần có một số hiểu biết nhất định về lịch sử, xã hội, văn hoá,...; để vẽ được biểu đồ cơ cấu, cần có các phép tính chuyển đổi số liệu; để khai thác, xây dựng báo cáo và truyền đạt, cần có kĩ năng về công nghệ thông tin,... Việc sử dụng kiến thức và kĩ năng của các môn học và hoạt động giáo dục khác trong Địa lí 11 thể hiện tính tích hợp liên môn.

e) Đổi mới về hình thức và cách trình bày

Hình thức của SGK Địa lí 11 có nhiều ưu thế vượt trội so với các SGK trước đó. Điều này thể hiện rất rõ ở cả kênh chữ, kênh hình và cấu trúc sách. Cách trình bày của sách cũng có tính hệ thống. Đối với mỗi bài học, ngoài yêu cầu cần đạt được đóng khung là lần lượt ba phần có liên hệ mật thiết với nhau: Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập và vận dụng. Trong mỗi bài địa lí khu vực/ quốc gia đều có các phần: vị trí địa lí; điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và dân cư, xã hội; kinh tế (tình hình chung, các ngành). Trong mỗi nhóm ngành kinh tế, có các phân ngành cụ thể, ví dụ: trong nhóm ngành nông nghiệp có: nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản; trong nhóm ngành dịch vụ có giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch, thương mại, tài chính ngân hàng.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC ĐỊA LÍ 11

1. Định hướng chung về phương pháp giáo dục Địa lí 11

– Dạy học thông qua hoạt động, bằng hoạt động và trong hoạt động. GV là người tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích, tạo môi trường học tập thân thiện cho HS. HS học tập chủ động, tích cực, sáng tạo, tập trung rèn luyện năng lực tự học.

– Gắn bài học địa lí kinh tế – xã hội thế giới với thực tiễn địa phương, đất nước, thế giới; vận dụng kiến thức vào việc nhận thức các vấn đề về kinh tế – xã hội, tài nguyên và môi trường tại địa phương; thu thập, cập nhật thông tin làm rõ kiến thức bài học,... để từ đó phát triển nhận thức, kĩ năng, hình thành phẩm chất, năng lực đặc thù và năng lực chung.

– Đa dạng hoá các phương pháp dạy học; trong đó đề cao các phương pháp dạy học tiên tiến, đề cao vai trò chủ động, tích cực của HS và các phương pháp đặc trưng của bộ môn Địa lí như: sử dụng bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình,...

– Thực hiện các hình thức tổ chức dạy học một cách đa dạng và linh hoạt, kết hợp các hình thức dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học theo lớp; sâu tằm, hệ thống hoá thông tin, trưng bày, giới thiệu, triển lãm, trò chơi học tập,...

– Tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện để HS tìm tòi, khám phá, khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí. Khuyến khích, tạo điều kiện, xây dựng môi trường học tập thuận lợi cho HS khai thác thông tin từ internet để phục vụ học tập; rèn luyện cho HS kĩ năng xử lí, trình bày thông tin địa lí bằng công nghệ thông tin và truyền thông,...; tăng cường tự làm các thiết bị dạy học với việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (lập các website học tập, xây dựng hệ thống bài học, bài tập, thực hành, bài kiểm tra bằng các phần mềm thông dụng và thích hợp, xây dựng các video clip giới thiệu sự vật, hiện tượng địa lí,...).

2. Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục Địa lí 11

– Mục tiêu là nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn hoạt động học tập.

– Căn cứ để đánh giá kết quả giáo dục của HS là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình tổng thể và Chương trình Giáo dục phổ thông môn Địa lí 11.

– Về nội dung đánh giá, bên cạnh đánh giá kiến thức, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, tập bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Chủ trọng đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau. Kết hợp việc đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp kết quả đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

– Sử dụng các hình thức đánh giá chủ yếu như sau:

+ Đánh giá thông qua bài viết: bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài tiểu luận, bài báo cáo thực hành, báo cáo kết quả sưu tầm, bài giới thiệu một đối tượng địa lí.

+ Đánh giá thông qua vấn đáp, thuyết trình: trả lời câu hỏi vấn đáp, phỏng vấn, thuyết trình vấn đề nghiên cứu,...

+ Đánh giá thông qua quan sát: quan sát quá trình HS sử dụng các công cụ học tập, thực hiện các bài thực hành, thảo luận nhóm, tham gia dự án nghiên cứu,... bằng cách sử dụng bảng quan sát, hồ sơ học tập,...

3. Một số chú ý về định hướng dạy học và kiểm tra, đánh giá Địa lí 11

– Trong quá trình hướng dẫn HS khai thác kiến thức về địa lí một khu vực/ quốc gia, GV cần chú trọng hướng HS vào nhận thức, tìm hiểu làm rõ các đặc trưng về vị trí địa lí, lãnh thổ; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư và xã hội, kinh tế. Trên cơ sở nhận thức, tìm hiểu toàn diện một lãnh thổ, cần chú trọng làm nổi bật các đặc trưng của lãnh thổ đó, phân biệt rõ rệt các lãnh thổ với nhau.

– Các khu vực và quốc gia được đưa vào chương trình và cụ thể hoá ở SGK có tính đại diện cho nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển, đại diện cho các châu lục, khu vực,... Trong quá trình nhận thức, tìm hiểu, GV cần tạo điều kiện và khuyến khích HS liên hệ với các quốc gia khác cùng nhóm nước hoặc cùng châu lục, khu vực,... để HS có nhận thức rõ hơn về sự phân hoá các quốc gia, khu vực, lãnh thổ nói chung.

– Số liệu ở SGK chỉ được cập nhật đến năm 2020 hoặc năm 2021. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, SGK không thường xuyên cập nhật số liệu theo năm. Do đó, trong quá trình dạy học, GV cần cập nhật số liệu mới. Tuy nhiên, số liệu chỉ là cơ sở để rút ra nhận xét hoặc dùng để minh hoạ, số liệu không phải là kiến thức cơ bản, nêu rõ bản chất của đối tượng địa lí nên các số liệu cập nhật cần đảm bảo tính hệ thống và phản ánh đúng xu hướng phát triển của sự vật, hiện tượng địa lí. Các số liệu không phản ánh đúng xu hướng vận động, phát triển của đối tượng địa lí, dù cập nhật cũng không nên đưa vào SGK. Ví dụ: Số liệu năm 2020 về tăng trưởng kinh tế của các quốc gia tuy cập nhật thực tế, nhưng đó là một đứt gãy kinh tế do đại dịch COVID-19 gây ra trên toàn cầu, không phải là xu hướng phát triển kinh tế chung; có nhiều ví dụ về phát triển kinh tế sau đại dịch để minh chứng cho ý kiến đó.

– Kinh tế – xã hội thế giới có nhiều biến động theo thời gian và không gian gây khó khăn cho việc nhận thức, tìm hiểu địa lí kinh tế – xã hội thế giới. Nhiều vấn đề về kinh tế – xã hội của thế giới hoặc của các khu vực/ quốc gia chịu sự chi phối của yếu tố địa chính trị và nhiều yếu tố khác, đòi hỏi phải có nhận thức, tìm hiểu theo thế giới quan khoa học và nhân sinh quan tiến bộ. Việc cập nhật các thông tin và cách xử lí của GV có tác động rất nhiều đến HS trong bài học Địa lí 11.

– Chú trọng đa dạng hoá các hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá; trong đó, cần chú ý các hình thức liên quan đến hoạt động học tập của HS trong môn Địa lí 11. Ngoài hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan, cần tăng cường đánh giá sản phẩm học tập của HS như: bài báo cáo, bài giới thiệu, bài trình bày về một đối tượng địa lí, bài trưng bày sản phẩm, kết quả đọc bản đồ, kết quả phân tích bảng số liệu; vẽ biểu đồ, tóm tắt kiến thức, lập sơ đồ, hoàn thành bảng kiến thức,...

SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 11

**PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ
VỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI**

**BÀI 1. SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC**

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu nhất định; trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.

– Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng các công cụ của địa lí học như: bản đồ, bảng số liệu về kinh tế – xã hội của các nhóm nước; khai thác internet và các tài liệu,... để thu thập tư liệu về kinh tế – xã hội của một số nước.

– Năng lực tự chủ, tự học thông qua việc chủ động, tích cực, xác định nhiệm vụ; tìm kiếm, hệ thống hoá các thông tin cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, hợp tác cùng hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ học tập, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ HDI, cơ cấu GDP và GNI/người của một số nước trên thế giới năm 2020.
- Các bảng số liệu: GNI/người, cơ cấu GDP và HDI của một số nước năm 2020; GDP, tốc độ tăng trưởng GDP của một số nước năm 2021; Một số chỉ tiêu về xã hội của một số nước năm 2020.
- Phiếu học tập (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Bài học có tính khái quát cao về hai nhóm nước phát triển và đang phát triển nên trong quá trình dạy học, GV nên lưu ý cụ thể hoá bằng các quốc gia để HS nhận thức rõ hơn.
- Sự phân chia các nhóm nước về trình độ phát triển kinh tế – xã hội có tính tổng hợp dựa trên ba chỉ tiêu về GNI/người, cơ cấu kinh tế theo ngành, HDI. Cần lưu ý cho HS rõ: các quốc gia nào đạt cả ba chỉ tiêu mới được xếp vào nhóm nước phát triển hay đang phát triển. Một số quốc gia có thể có GNI/người rất cao, nhưng HDI ở mức trung bình thì ở nhóm nước đang phát triển.
- Trong nhóm nước đang phát triển, GV cần tổ chức cho HS phát hiện một số nước tiến hành công nghiệp hoá sớm, đạt được nhiều kết quả cao trong phát triển kinh tế – xã hội; hoặc một số nước tiến hành cải cách kinh tế đạt nhiều thành tựu, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và có quy mô GDP khá cao.
- Bài học dự kiến được thực hiện trong 2 tiết. GV căn cứ theo kế hoạch dạy học của nhà trường để tổ chức sao cho hợp lý.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Định hướng nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể mở đầu như gợi ý trong SGK hoặc đặt câu hỏi với kỹ thuật động não: Em hãy xếp một số quốc gia sau đây vào hai nhóm nước phát triển và đang phát triển: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Cộng hoà Nam Phi, Bra-xin, Liên bang Nga, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản và cho biết căn cứ vào đâu để sắp xếp như vậy.

Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về các nhóm nước

a) *Mục tiêu:* Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu nhất định.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi, đọc SGK, tìm hiểu và trao đổi về các chỉ tiêu làm căn cứ để phân chia thành nước phát triển và nước đang phát triển: GNI/người, cơ cấu kinh tế, HDI.

GV lưu ý cho HS rõ: Trong cơ cấu kinh tế, lựa chọn chỉ tiêu cơ cấu kinh tế theo ngành để phân tích vì khác với cơ cấu theo thành phần kinh tế và cơ cấu theo lãnh thổ kinh tế, chỉ tiêu này phản ánh được trình độ phân công lao động xã hội, thể hiện trình độ phát triển khoa học – công nghệ, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất,...

HS căn cứ vào kết quả làm việc trên, quan sát hình 1, bảng 1.1 trong SGK, phân biệt các nước phát triển (Ca-na-đa, Cộng hoà Liên bang Đức) và các nước đang phát triển (Bra-xin, In-đô-nê-xi-a) về các chỉ tiêu: GNI/người, cơ cấu GDP và HDI; xác định một số nước phát triển và đang phát triển trên hình 1.

2.2. Tìm hiểu sự khác biệt về kinh tế – xã hội của các nhóm nước

a) *Mục tiêu:* Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức lớp thành 4 nhóm, trong đó: 2 nhóm làm việc với nội dung sự khác biệt về kinh tế; 2 nhóm còn lại làm việc về nội dung sự khác biệt về xã hội.

– Hai nhóm đầu: Đọc thông tin và dựa vào bảng 1.2, hoàn thành bảng sau:

*Sự khác biệt về kinh tế
giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển*

Nhóm nước Chỉ tiêu	Phát triển	Đang phát triển
Quy mô kinh tế	?	?
Tốc độ tăng trưởng kinh tế	?	?
Cơ cấu kinh tế	?	?
Trình độ phát triển kinh tế	?	?

- Hai nhóm còn lại: Đọc thông tin và dựa vào bảng 1.3, hoàn thành bảng sau:

*Sự khác biệt về một số chỉ tiêu xã hội
giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển*

Nhóm nước Chỉ tiêu	Phát triển	Đang phát triển
Dân cư	?	?
Đô thị hoá	?	?
HDI	?	?
Giáo dục, y tế	?	?

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức đã học và liên hệ với thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện:* HS làm việc cá nhân.

- Luyện tập: Câu 1. HS nhắc lại nội dung đã làm việc nhóm ở mục 2.2.

– Vận dụng: Câu 2. HS thu thập tư liệu từ các nguồn khác nhau về GNI/người và HDI của một nước đang phát triển và một nước phát triển trong giai đoạn hiện nay. Có thể chọn hai trong số các nước có học trong SGK. HS cũng nên được khuyến khích tìm kiếm thêm một số nước khác trong khi làm việc ở nhà.

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Các tổ chức quốc tế phân chia các nước theo nhiều cách khác nhau:

– Ngân hàng Thế giới (WB) căn cứ theo thu nhập (GNI/người), chia các nước trên thế giới thành 4 nhóm:

- + Nhóm nước thu nhập thấp.
- + Nhóm nước thu nhập trung bình thấp.
- + Nhóm nước thu nhập trung bình cao.
- + Nhóm nước thu nhập cao.

– Liên hợp quốc (UN) căn cứ vào trình độ phát triển con người (HDI), chia các nước trên thế giới thành 4 nhóm:

- + Nước có HDI thấp được xếp vào nhóm nước có trình độ phát triển con người thấp.

+ Nước có HDI trung bình được xếp vào nhóm có trình độ phát triển con người trung bình.

+ Nước có HDI cao được xếp vào nhóm có trình độ phát triển con người cao.

+ Nước có HDI rất cao được gọi là trình độ phát triển con người rất cao.

Đến năm 2003, Liên hợp quốc đã quy định dựa vào ba tiêu chí để xác định trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia; một số tổ chức kinh tế quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB) hay Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cũng chấp nhận cách phân loại này. Ba tiêu chí này là:

+ Thu nhập bình quân (tính theo GNI/người).

+ Cơ cấu kinh tế.

+ Tiêu chí phát triển con người như: dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục.

BÀI 2. TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc trình bày các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế và khu vực hoá kinh tế; phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế và khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

– Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng các công cụ của địa lí học như: sơ đồ, bảng số liệu về kinh tế – xã hội; khai thác internet và các tài liệu,... để thu thập tư liệu về toàn cầu hoá kinh tế và khu vực hoá kinh tế; cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

– Năng lực tự chủ, tự học thông qua việc chủ động, tích cực, xác định nhiệm vụ; tìm kiếm, hệ thống hoá các thông tin cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, lắng nghe tích cực, hợp tác cùng hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ học tập, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao; xác định thái độ và trách nhiệm học tập của bản thân trong bối cảnh toàn cầu hoá và hợp tác hóa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bảng số liệu trị giá thương mại thế giới và đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1990 – 2020.
- Một số hình ảnh, đoạn văn ngắn, thông tin,... liên quan đến toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế.
- Phiếu học tập (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Toàn cầu hoá kinh tế có nhiều biểu hiện, SGK chỉ lựa chọn trình bày một số biểu hiện nổi bật. Trong quá trình dạy học, GV có thể gợi ý, khuyến khích HS tìm thêm các biểu hiện khác của toàn cầu hoá.
- Toàn cầu hoá kinh tế, khu vực hoá kinh tế tác động cụ thể đến mọi quốc gia, mọi công dân trên thế giới ở nhiều khía cạnh của kinh tế và đời sống. GV cần hướng dẫn HS liên hệ thực tế để hiểu sâu thêm hệ quả và tác động của toàn cầu hoá kinh tế, khu vực hoá kinh tế.
- Việc phân biệt rõ giữa hệ quả và ý nghĩa/ tác động của toàn cầu hoá kinh tế, khu vực hoá kinh tế đối với các quốc gia ở nhiều ý có tính tương đối. Ví dụ: Toàn cầu hoá kinh tế và khu vực hoá kinh tế đều có hệ quả và tác động đến việc gia tăng khoảng cách giàu nghèo,...
- Bài học dự kiến được thực hiện trong 2 tiết. GV căn cứ theo kế hoạch dạy học của nhà trường để tổ chức sao cho hợp lý.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Giúp HS xác định được các nhiệm vụ cần giải quyết trong bài, tạo hứng thú học tập.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể mở đầu như gợi ý trong SGK hoặc đặt nhiệm vụ với kỹ thuật động não: Em hãy cho biết tổ chức nào sau đây có phạm vi toàn thế giới, tổ chức nào có phạm vi trong từng khu vực: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Bằng hiểu biết của mình, em có thể cho biết mỗi tổ chức có tác động như thế nào đến phát triển kinh tế – xã hội đất nước hoặc đời sống người dân nước ta.

Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về toàn cầu hoá kinh tế

2.1.1. Các biểu hiện và hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế

a) *Mục tiêu:* Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS theo nhóm nhỏ đọc SGK, tìm hiểu và trao đổi về quan niệm toàn cầu hoá kinh tế.

Sau khi HS trả lời, GV khẳng định rõ hai ý cơ bản của toàn cầu hoá kinh tế là:

- Gia tăng nhanh chóng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới.
- Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

Các nhóm tiếp tục đọc thông tin và dựa vào bảng 2 trong SGK, trình bày các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế. GV yêu cầu HS liên hệ thực tế hoặc tìm thông tin ở internet một số ví dụ cụ thể về các hợp tác song phương và đa phương, hiệp định thương mại được kí kết; hoạt động của một số công ty xuyên quốc gia; một số tiêu chuẩn quản lí môi trường, quản lí năng lượng; tiêu chuẩn bảo mật công nghệ thông tin;...

Sau khi các nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ và trình bày, trao đổi trước lớp, GV kết luận về các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế và giao nhiệm vụ tiếp cho HS làm việc cá nhân. HS đọc thông tin, hãy phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

Trong phần kết luận, nhận xét về kết quả hoạt động của HS, GV nhấn mạnh các hệ quả:

- Làm gia tăng mối liên hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực.
- Làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết.
- Làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế,...

2.1.2. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới

a) *Mục tiêu:* Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

b) *Tổ chức thực hiện*: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi, đọc thông tin, phân tích ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. Ghi nội dung thống nhất vào bảng theo mẫu:

Ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới

	Ảnh hưởng	Ví dụ
Tích cực	?	?
Tiêu cực	?	?

GV có thể tổ chức cho HS tranh luận về ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước, khuyến khích HS có những lập luận kèm ví dụ thực tế để thuyết phục ý kiến khác với ý kiến bản thân.

2.2. Tìm hiểu khu vực hoá kinh tế

2.2.1. Các biểu hiện và hệ quả của khu vực hoá kinh tế

a) *Mục tiêu*: Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.

b) *Tổ chức thực hiện*

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, đọc SGK, tìm hiểu và trao đổi về quan niệm khu vực hoá kinh tế, phân biệt với toàn cầu hoá kinh tế; trình bày các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế.

GV nhấn mạnh cốt lõi trong khu vực hoá kinh tế là các quốc gia trong mỗi khu vực có sự tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội; hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển.

GV yêu cầu HS liên hệ thực tế hoặc tìm thông tin ở internet, giới thiệu về một số tổ chức khu vực như: Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Liên minh châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Khối Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR),...

Sau khi các nhóm hoàn thành nhiệm vụ và trình bày, trao đổi trước lớp, GV kết luận về quan niệm và các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế.

– GV giao nhiệm vụ tiếp cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, hãy trình bày các hệ quả của khu vực hoá kinh tế.

Trong phần kết luận, nhận xét về kết quả hoạt động của HS, GV nhấn mạnh các hệ quả:

- + Tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi để xây dựng một môi trường phát triển ổn định và hợp tác.

- + Góp phần làm giảm sức ép và sự phụ thuộc từ các nước ngoài khu vực, tạo vị thế của khu vực trên trường quốc tế.

- + Làm xuất hiện các vấn đề cần quan tâm đối với mỗi quốc gia như: tự chủ về kinh tế, cạnh tranh kinh tế, trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực,...

2.2.2. Phân tích ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới

a) *Mục tiêu:* Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi, đọc thông tin, phân tích ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. GV hướng dẫn HS tìm các ví dụ thực tế hoặc khai thác thông tin từ internet để làm sinh động thêm các ý nghĩa vốn trình bày có tính khái quát trong SGK.

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức đã học và liên hệ với thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện:* HS làm việc cá nhân.

– **Luyện tập:** Câu 1. HS lập sơ đồ thể hiện các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế. Chú ý nội dung trong mỗi ô cần ngắn gọn, có tính khái quát cao. Ví dụ về các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế ghi ở trong mỗi ô của sơ đồ như:

- + Tăng nhanh thương mại quốc tế, tự do hoá thương mại.
- + Tăng cường vai trò của các công ty xuyên quốc gia.
- + Phát triển các hệ thống tài chính quốc tế.
- + Hình thành nhiều tổ chức kinh tế thế giới.
- + Áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn toàn cầu.

Câu 2. HS lấy một số ví dụ về biểu hiện của khu vực hoá kinh tế ở các khía cạnh:

- + Các tổ chức khu vực trên thế giới.
- + Một số biểu hiện về liên minh kinh tế, hợp tác kinh tế, liên minh thuế quan,...

– Vận dụng: Câu 3. HS tìm kiếm, thu thập từ internet và các tài liệu khác thông tin và liên hệ thực tế về một số kết quả mà Việt Nam đã đạt được kể từ khi gia nhập ASEAN.

V. TƯ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Một số nguyên nhân góp phần làm tăng thương mại quốc tế hiện nay là:

– Thuế quan được cắt giảm dần, hàng rào phi thuế quan dần tiến tới được loại bỏ, đảm bảo tính cạnh tranh công bằng và không phân biệt đối xử.

– Hợp tác thương mại song phương, đa phương ngày càng trở nên phổ biến, hàng hoá và dịch vụ lưu thông giữa các quốc gia nhanh chóng, thuận lợi hơn.

– Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) hoạt động hiệu quả, thúc đẩy tự do hoá thương mại, làm cho nền kinh tế thế giới phát triển năng động.

– Các tổ chức khác như: EU, ASEAN, MERCOSUR, APEC,... đóng vai trò quan trọng thông qua việc xây dựng các hiệp định chung về thương mại giữa các nước thành viên nhằm thống nhất thị trường khu vực và thế giới.

BÀI 3. MỘT SỐ TỔ CHỨC KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).

– Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc khai thác internet và các tài liệu,... để thu thập thông tin về một số tổ chức khu vực và quốc tế; cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

– Năng lực tự chủ, tự học thông qua việc chủ động, tích cực, xác định nhiệm vụ; tìm kiếm, hệ thống hoá các thông tin cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, lắng nghe tích cực, hợp tác cùng hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ học tập, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao; xác định thái độ đúng với các tổ chức khu vực và quốc tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Một số hình ảnh, đoạn văn ngắn, thông tin,... liên quan đến một số tổ chức khu vực và quốc tế như: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).

– Phiếu học tập (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

– Trên thế giới có nhiều tổ chức khu vực và quốc tế, ở bài học này chỉ trình bày một số tổ chức khu vực và quốc tế có tính tiêu biểu, tác động ở phạm vi rộng đến toàn cầu và khu vực. Trong quá trình dạy học, GV hướng dẫn HS kể tên và giới thiệu thêm một số tổ chức khu vực và toàn cầu khác.

– Hoạt động của các tổ chức quốc tế và khu vực có tác động lớn đến kinh tế – xã hội toàn cầu và khu vực. GV tổ chức cho HS liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức để làm sáng rõ hơn các hoạt động và ý nghĩa của chúng đối với thế giới và khu vực.

– Việt Nam đã tham gia vào các tổ chức khu vực và quốc tế trên. Trong việc tìm hiểu về các tổ chức này, HS cũng cần liên hệ để thấy được lợi ích của việc gia nhập các tổ chức và một số vai trò tích cực của Việt Nam trong các tổ chức đó. Ví dụ: Việt Nam đã tham gia tích cực vào lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc,...

– Bài học dự kiến được thực hiện trong 1 tiết. GV căn cứ theo kế hoạch dạy học của nhà trường để tổ chức sao cho hợp lí.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Xác định được các nhiệm vụ cần giải quyết trong bài, tạo hứng thú học tập.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể mở đầu như gợi ý trong SGK hoặc đặt nhiệm vụ với kĩ thuật động não: Em hãy kể tên một số tổ chức khu vực và quốc tế trên thế giới. Các tổ chức này có mục tiêu chung giống nhau hay khác nhau?

Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

a) *Mục tiêu:* Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu về một tổ chức quốc tế/ khu vực. Các nhóm hoàn thành phiếu học tập theo mẫu sau:

	Tổ chức
Năm thành lập	?
Số thành viên (đến năm 2020)	?
Năm Việt Nam tham gia	?
Mục đích	?
Một số hoạt động chính	?

GV yêu cầu HS tìm thêm thông tin ở internet một số ví dụ cụ thể về một số hoạt động chính của các tổ chức, liên hệ thực tế về một số hoạt động ở Việt Nam ở tất cả các lĩnh vực có liên quan: sức khỏe, giáo dục, tài chính, chính sách tiền tệ, đào tạo và tư vấn, thống kê và thông tin, thương mại hàng hoá, sản xuất nông nghiệp, đầu tư,...

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu:* Củng cố kiến thức đã học và liên hệ với thực tiễn.

b) *Tổ chức thực hiện:* HS làm việc cá nhân.

– Luyện tập: Câu 1. HS hoàn thành bảng nội dung theo mẫu vào vở ghi. Sử dụng các ý đã trình bày rõ ở phần Kiến thức mới.

– Vận dụng: Câu 2. HS tìm kiếm, thu thập thông tin từ internet, các tài liệu khác và giới thiệu về một hoạt động của Việt Nam ở Liên hợp quốc. GV khuyến khích các em về nhà tìm thêm thông tin về một số hoạt động khác.

V. TỰ LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

1. Một số hoạt động của Việt Nam ở Liên hợp quốc

Việt Nam là một thành viên tích cực trong Liên hợp quốc (UN) và thường xuyên tham gia vào các hoạt động của tổ chức này. Dưới đây là một số hoạt động của Việt Nam ở UN:

- Tham gia các hội nghị và cuộc họp: Việt Nam thường tham gia các cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc (UNGA), Hội đồng Bảo an (UNSC), Hội đồng Nhân quyền (UNHRC), Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC), Hội đồng Thương mại và Phát triển Liên hợp quốc (UNCTAD) và nhiều cơ quan khác của UN.

- Tham gia vào các chiến dịch và nhiệm vụ hoà bình của UN: Việt Nam đã gửi quân đội tham gia vào các nhiệm vụ duy trì hoà bình của UN ở Xu-đăng, Nam Xu-đăng, Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Li-bê-ri-a, Cộng hoà Trung Phi,...

- Đóng góp vào ngân sách của UN: Việt Nam đã đóng góp vào ngân sách tổng thể của UN và cũng tham gia vào một số quỹ đặc biệt của UN như: Quỹ Phát triển, Quỹ Giao lưu văn hoá và Quỹ Xây dựng hoà bình.

- Tham gia vào các hiệp định và thoả thuận của UN: Việt Nam đã kí kết và thực hiện các hiệp định và thoả thuận của UN như Hiệp định Khung về Biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc, Hiệp định về Nhân quyền của Liên hợp quốc và Công ước Luật Biển của Liên hợp quốc.

- Tham gia vào các tổ chức và cơ quan của UN: Việt Nam đã gia nhập và tham gia hoạt động của nhiều tổ chức và cơ quan của UN như: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO).

2. Một số lĩnh vực hoạt động ở Việt Nam của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)

- Tài chính và chính sách tiền tệ: IMF hỗ trợ Việt Nam trong việc định hướng chính sách tiền tệ, cải cách tài chính, quản lý nợ công và ngoại tệ.

- Đào tạo và tư vấn: IMF cung cấp đào tạo và tư vấn cho các quan chức chính phủ và cơ quan tài chính Việt Nam về quản lý tài chính, chính sách tiền tệ, kinh tế và phát triển.

- Thống kê và thông tin: IMF hỗ trợ Việt Nam trong việc cải thiện hệ thống thống kê, thông tin kinh tế và tài chính của đất nước, đồng thời cung cấp thông tin và phân tích kinh tế cho các cơ quan chính phủ và các nhà đầu tư.

– Hỗ trợ trong các chương trình tài chính: IMF cung cấp các gói tài trợ cho Việt Nam nhằm giúp đỡ đất nước giải quyết các vấn đề tài chính, tăng cường năng lực quản lý tài chính và thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

– Hỗ trợ trong các chương trình cải cách kinh tế: IMF hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện các chương trình cải cách kinh tế nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

3. Một số lĩnh vực hoạt động ở Việt Nam của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

– Thương mại hàng hoá: WTO đảm bảo Việt Nam có quyền được nhập khẩu và xuất khẩu hàng hoá một cách công bằng và đối xử bình đẳng với các quốc gia thành viên khác. Các cam kết của Việt Nam về việc giảm thuế nhập khẩu và các rào cản phi thuế cũng được đưa ra dưới áp lực của WTO.

– Dịch vụ: Việt Nam đã cam kết mở cửa các lĩnh vực dịch vụ, bao gồm tài chính, bảo hiểm, giáo dục, du lịch và vận tải. WTO đảm bảo rằng các quy định và rào cản trong các lĩnh vực này được loại bỏ hoặc giảm thiểu.

– Sản xuất nông nghiệp: WTO đảm bảo cho Việt Nam cơ hội tham gia vào thị trường nông nghiệp quốc tế và cam kết giảm bớt các rào cản thương mại với các sản phẩm nông nghiệp.

– Bản quyền: WTO đảm bảo rằng các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm bản quyền và nhãn hiệu, được bảo vệ đầy đủ tại Việt Nam.

– Đầu tư: Việt Nam đã cam kết giảm thiểu các rào cản đối với đầu tư từ các quốc gia thành viên khác của WTO. Việt Nam cũng đảm bảo quyền của các nhà đầu tư nước ngoài được bảo vệ tại Việt Nam.

– Các quy định kỹ thuật và các tiêu chuẩn sản phẩm: WTO đảm bảo rằng các quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn sản phẩm được áp dụng tại Việt Nam phù hợp với các quy chuẩn quốc tế, đồng thời đảm bảo quyền của Việt Nam để bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng.

4. Một số lợi ích của Việt Nam khi tham gia Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC)

– Thúc đẩy thương mại và đầu tư: APEC cung cấp một nền tảng để Việt Nam thúc đẩy hoạt động thương mại và đầu tư với các đối tác trong khu vực. Việt Nam đã ký kết các thỏa thuận thương mại tự do với nhiều đối tác APEC, thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam và tăng cường đầu tư vào nền kinh tế của nước này.

– Phát triển các ngành công nghiệp quan trọng: Việc tham gia APEC cũng giúp Việt Nam phát triển các ngành công nghiệp như dệt – may, điện tử, và chế biến thực phẩm. Các chính sách và quy định được thiết lập bởi APEC cũng giúp Việt Nam thúc đẩy sự phát triển bền vững của các ngành công nghiệp này.

– Nâng cao năng lực cạnh tranh: Tham gia APEC giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh của mình thông qua việc học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm từ các đối tác trong khu vực. Việc tham gia APEC cũng giúp Việt Nam cải thiện năng lực quản lý và đào tạo nhân lực, cũng như nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm và dịch vụ.

– Hỗ trợ cho phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế: APEC là một nền tảng quan trọng để Việt Nam thúc đẩy phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Tham gia APEC giúp Việt Nam kết nối với các nền kinh tế phát triển và có cơ hội học hỏi từ các đối tác trong khu vực.

– Tăng cường quan hệ đối tác kinh tế: Tham gia APEC giúp Việt Nam tăng cường quan hệ đối tác kinh tế với các đối tác trong khu vực và giới thiệu văn hoá, truyền thống, đặc sản của Việt Nam đến thế giới.

BÀI 4. THỰC HÀNH:

TÌM HIỂU VỀ TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

– Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc sưu tầm tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá; trao đổi, thảo luận về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

– Năng lực tự chủ, tự học thông qua việc chủ động, tìm kiếm thông tin về toàn cầu hoá, khu vực hoá.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, thảo luận, hợp tác cùng hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ, có tinh thần trách nhiệm trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số hình ảnh, đoạn văn ngắn, thông tin,... liên quan đến cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.
- Internet, màn hình, máy chiếu, máy tính cùng các phần mềm ứng dụng cần thiết (nếu có).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Chú ý nhấn mạnh đối với các nước đang phát triển: các cơ hội rất lớn nhưng các thách thức cũng rất nhiều và không kém phần phức tạp.
- Bài học dự kiến được thực hiện trong 1 tiết. GV chú trọng tổ chức HS trao đổi, thảo luận về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển trên cơ sở nguồn tư liệu đã được chuẩn bị trước và tham khảo thêm ở bài học SGK.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

- a) *Mục tiêu:* Xác định được các nhiệm vụ cần giải quyết trong bài.
- b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể mở đầu như gợi ý trong SGK hoặc dùng kỹ thuật dạy học động não đặt câu hỏi: Việt Nam tham gia toàn cầu hoá sâu rộng có cơ hội gì để phát triển và có những thách thức nào cần phải vượt qua?

GV yêu cầu mỗi HS (hoặc trao đổi với bạn) cho ý kiến của bản thân (theo cảm nhận của các em, có thể không đúng). Sau đó, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động thực hành

2.1. Xem xét công việc sưu tầm tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá

- a) *Mục tiêu:* Xác định được các tư liệu cần thiết đã được sưu tầm về toàn cầu hoá, khu vực hoá.
- b) *Tổ chức thực hiện:* Hoạt động này được thực hiện ở nhà, trước khi đến lớp. GV xem xét công tác chuẩn bị của HS; nếu cần thiết, GV cung cấp một số đường link hướng dẫn HS tìm bổ sung tư liệu, hoặc có thể cung cấp thêm cho HS một số tư liệu.

2.2. Trao đổi, thảo luận về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển

a) *Mục tiêu:* Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV tổ chức cho HS chia thành 4 nhóm.

– 2 nhóm trao đổi, thảo luận về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển.

– 2 nhóm khác trao đổi, thảo luận về cơ hội và thách thức của khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

Kết quả trao đổi được ghi thành bảng sau và trình bày trước lớp. GV kết luận và nhấn mạnh các ý cần thiết.

Cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển

	Toàn cầu hoá	Khu vực hoá
Cơ hội	?	?
Thách thức	?	?

Lưu ý: Ở các bài thực hành, GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm ở nhà trước, chuẩn bị bài báo cáo theo nhóm dưới nhiều hình thức khác nhau như: Power Point, video clip, sơ đồ tư duy, bài báo,... Đến tiết học trên lớp, các nhóm trình bày kết quả; GV và các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. Cách tổ chức này sẽ giúp HS chủ động hơn trong việc học, kết quả nghiên cứu sẽ sâu hơn, đồng thời rèn luyện được nhiều kỹ năng cần thiết khác.

V. TÀI LIỆU HỖ TRỢ DẠY HỌC

Một số cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển

1. Cơ hội

– Tăng trưởng kinh tế: Toàn cầu hoá giúp các nước đang phát triển có thể mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ đến các quốc gia khác. Điều này có thể giúp tăng trưởng kinh tế và tạo ra việc làm mới.